

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4200464415 do Sở KHĐT tỉnh Khánh Hòa cấp, ngày 26 tháng 10 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13 tháng 05 năm 2009)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký giao dịch số: /ĐKGD do cấp ngày tháng năm)

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:



CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

09 Nguyễn Trọng Kỳ, Thị xã Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : (058) 3854312 Fa x : (058) 3854347

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

Lầu 3, 194 Nguyễn Công Trứ , Q1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (848) 3821 6789 Fax: (848) 3821 3399

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Trương Lê

Chức vụ: Thư ký Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam

Điện thoại: (058) 3950675 Fax: (058) 3854347

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4200464415 do Sở KHĐT tỉnh Khánh Hòa cấp, ngày 26 tháng 10 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13 tháng 05 năm 2009)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng đăng ký giao dịch:	1.629.120 cổ phần
Tổng giá trị đăng ký giao dịch:	16.291.200.000 (Mười sáu tỷ hai trăm chín mươi một triệu hai trăm ngàn) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC AISC

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39305163

Fax: 08 39304281

TỔ CHỨC CAM KẾT HỖ TRỢ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Lầu 3, 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08 38216789

Fax: 08 38213399

Website: www.avsc.com.vn

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: Lầu 2, số 63 Hàm Long, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 04 39366999

Fax: 04 38262665

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	1
1. Rủi ro về kinh tế	1
2. Rủi ro về luật pháp	1
3. Rủi ro đặc thù	1
4. Rủi ro khác	2
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	3
1. Tổ chức đăng ký giao dịch	3
2. Tổ chức cam kết hỗ trợ.....	3
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	4
TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	6
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
1.1 Giới thiệu về Công ty	6
1.2 Lịch sử hình thành	7
1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ của Cafico Việt Nam	7
2. Cơ cấu tổ chức công ty	8
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	8
3.1 Cơ cấu bộ máy quản lý	8
3.2 Cơ cấu bộ máy điều hành	9
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông (tổ chức, các nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ).....	12
4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	12
4.2 Cơ cấu cổ đông	12
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Cafico Việt Nam, những công ty mà Cafico Việt Nam đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Cafico Việt Nam	12
6. Hoạt động kinh doanh	13
6.1 Sản phẩm và sản lượng.....	13
6.2 Nguyên vật liệu.....	15
6.3 Chi phí sản xuất.....	16
6.4 Trình độ công nghệ.....	16
6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	17
6.6 Hệ thống quản lý chất lượng	17

6.7	Hoạt động marketing	18
6.8	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	19
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	19
7.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2008	19
7.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2009	19
8.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	20
8.1	Vị thế của công ty trong ngành.....	20
8.2	Triển vọng phát triển của ngành.....	21
8.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	22
9.	Chính sách đối với người lao động.....	23
9.1	Số lượng người lao động trong công ty	23
9.2	Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.....	24
10.	Chính sách cổ tức	25
11.	Tình hình hoạt động tài chính.....	25
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản năm 2008.....	26
11.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	28
12.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	29
12.1	Danh sách	29
12.2	Sơ yếu lý lịch.....	30
13.	Tài sản	40
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	40
14.1	Nêu căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	40
14.2	Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHCĐ thông qua.....	41
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện được của tổ chức đăng ký giao dịch	41
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty	41
IV.	CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	42
1.	Loại chứng khoán	42
2.	Mệnh giá.....	42
3.	Tổng số chứng khoán ĐKGD	42
4.	Phương pháp tính giá.....	42
5.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	42
6.	Các loại thuế có liên quan.....	43

6.1	Thuế giá trị gia tăng.....	43
6.2	Thuế TNDN.....	43
V.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	45
1.	Tổ chức đăng ký giao dịch	45
2.	Tổ chức tư vấn.....	45
3.	Tổ chức kiểm toán.....	45
VI.	PHỤ LỤC	46
1.	Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....	46
2.	Phụ lục II: Sơ yếu lý lịch HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	46
3.	Phụ lục III: Cam kết hỗ trợ, Lộ trình tư vấn và văn bản đính kèm.....	46
4.	Phụ lục IV: Các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008.....	46
5.	Phụ lục V: Ủy quyền Công bố thông tin	46
6.	Phụ lục VI: Điều lệ Công ty	46

HÌNH ẢNH

Hình 1: Sơ đồ tổ chức quản lý Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam	11
---	----

BẢNG BIỂU

Bảng 1 Quá trình tăng vốn của Công ty	8
Bảng 2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	12
Bảng 3 Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 25/05/2009	12
Bảng 4 Sản lượng và cơ cấu sản phẩm thủy sản 2006 – 2008	14
Bảng 5 Sản lượng tiêu thụ sản phẩm thủy sản năm 2006 -2008	14
Bảng 6 Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ 31/12/2006 -31/12/2008	14
Bảng 7 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	15
Bảng 8 Tỷ trọng các mục chi phí của Cafico so với doanh thu thuần.....	16
Bảng 9 Các hợp đồng lớn đã ký kết hoặc đang thực hiện năm 2009	19
Bảng 10 Kết quả hoạt động kinh doanh 31/12/2007 – 31/12/2008	19
Bảng 11 Cơ cấu lao động tại thời điểm 01/06/2009.....	23
Bảng 12 Thu nhập bình quân qua các năm.....	24
Bảng 13 Tỷ lệ cổ tức qua các năm thực hiện và dự kiến các năm 2009-2010	25
Bảng 14 Thời gian khấu hao ước tính của Tài sản cố định	26
Bảng 15 Số dư các quỹ năm từ 31/12/2007 đến 31/12/2008.....	27
Bảng 16 Tổng dư nợ vay	27
Bảng 17 Các khoản phải thu từ 31/12/2007 - 31/12/2008.....	28
Bảng 18 Các khoản phải trả từ 31/12/2007 – 31/12/2008.....	28
Bảng 19 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 31/12/2007 -31/12/2008	28
Bảng 20 Hội đồng Quản trị	29
Bảng 21 Ban Tổng giám đốc	29
Bảng 22 Thành viên Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.....	29
Bảng 23 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức 2009 – 2011.....	40
Bảng 24 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2007 và 31/12/2008	42

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sau một vài năm phát triển mạnh mẽ, nền kinh tế Việt Nam có tốc độ tăng trưởng GDP chậm lại trong năm 2008 ở mức 6,18% (nguồn Tổng cục thống kê), đặc biệt so với mức tăng trưởng GDP 8,5% trong năm 2007. Thêm vào đó, Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng xấu từ việc suy giảm kinh tế toàn cầu, cũng như nhu cầu tiêu dùng thế giới giảm khiến xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam sụt giảm theo. Dự đoán mức tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2009 vào khoảng từ 4,8%-5,6%.

Tuy nhiên, gần đây Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc ổn định nền kinh tế vĩ mô, giảm lạm phát và tích cực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế qua các gói kích cầu, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, giảm lãi suất, giảm giá tiền đồng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Dự đoán thâm hụt thương mại năm 2009 giảm còn -17 tỷ so với -18,4 tỷ trong năm 2008 (Nguồn: World Bank). Do tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước và các nước nhập khẩu có ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu của ngành thủy sản những tiến triển kinh tế gần đây cũng như việc Nhà nước tạo điều kiện cho việc xuất khẩu là tín hiệu đáng mừng cho các doanh nghiệp xuất khẩu, trong đó có Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam.

2. Rủi ro về luật pháp

Từ doanh nghiệp nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần năm 2001, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, công ty đại chúng, luật doanh nghiệp và luật chứng khoán. Do vậy, việc thay đổi, bổ sung các văn bản pháp luật, đều có ảnh hưởng đến hoạt động của Cafico Việt Nam. Tuy nhiên, với tình hình tài chính minh bạch, kinh nghiệm quản trị, điều hành và kiểm soát được đúc kết qua nhiều năm hoạt động, đã tạo điều kiện thuận lợi cho Cafico Việt Nam thích ứng nhanh với thay đổi của các quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Rủi ro đặc thù

Sản phẩm thủy sản chế biến đông lạnh chịu tác động khắt khe về vấn đề vệ sinh an toàn và chất lượng. Hiện nay, toàn bộ quy trình sản xuất sản phẩm của Công ty được thực hiện theo những hệ thống quản lý chất lượng đã đạt được phù hợp với yêu cầu của những thị trường nhập khẩu. Tuy nhiên, nếu có những thay đổi về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của các thị trường tiêu thụ thì sẽ dẫn tới sự xáo trộn trong sản xuất và tăng thêm chi phí của Công ty.

Hoạt động xuất nhập khẩu luôn gắn liền với những thông lệ, tập quán quốc tế cũng như những ràng buộc về mặt pháp lý của các nước nhập khẩu. Còn nhiều yếu tố khách quan từ luật pháp các nước sở tại như chính sách bảo hộ, các qui định về mẫu mã, bao bì, thương hiệu sản phẩm có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

Ngoài ra, doanh thu của Công ty chủ yếu từ xuất khẩu, nên sự biến động của tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Do đó đòi hỏi Công ty phải điều hành hợp lý hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu để có thể giảm thiểu ảnh hưởng của biến động tỷ giá.

4. Rủi ro khác

Do tính chất hoạt động kinh doanh, Công ty còn có thể chịu những rủi ro khác như sự thay đổi chính sách thuế xuất nhập khẩu, các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế như lạm phát, thay đổi lãi suất; các vụ kiện chống bán phá giá v.v...

Ngoài ra còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như: các hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt), dịch bệnh v.v... ảnh hưởng đến sản lượng nguyên liệu đầu vào đáp ứng cho nhu cầu sản xuất của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức đăng ký giao dịch

Ông: Nguyễn Quang Tuyền Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Bà: Lê Thị Thu Hà Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông: Nguyễn Nhân Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức cam kết hỗ trợ

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng Long

Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng cam kết hỗ trợ với Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản công bố thông tin này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“**Công ty**”: Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4200464415 do Sở KHĐT tỉnh Khánh Hòa cấp, ngày 26 tháng 10 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13 tháng 05 năm 2009

“**Cổ đông**”: Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Cafico Việt Nam

“**Cổ phần**”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

“**Cổ phiếu**”: Chứng chỉ do Cafico Việt Nam phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Cafico.

“**Cổ tức**”: Số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của Cafico Việt Nam để chia cho cổ đông.

“**Điều lệ**”: Điều lệ của Cafico Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua tại kỳ họp ngày 21/04/2007 và đã được điều chỉnh bổ sung tại các kỳ họp ngày 26/01/2008 và ngày 04/04/2009.

“**Người liên quan**”: Cá nhân hoặc Tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Công ty mẹ và công ty con (nếu có);
- Công ty và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của công ty đó thông qua các cơ quan quản lý công ty;
- Công ty và những người quản lý công ty;
- Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty;
- Bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối.

“**Vốn điều lệ**”: Số vốn do tất cả cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ của Cafico Việt Nam.

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 năm 2006 của Quốc hội và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản Công bố thông tin này có nội dung như sau:

UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
TTGDCK	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
UBND	Ủy Ban nhân dân
TX	Thị xã
VASEP	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam
AFTA	ASEAN Free Trade Area
WTO	World Trade Organization
EU	European Union - Liên minh Châu Âu
Công ty	Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam
Cafico Việt Nam	Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam
HĐQT	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam
Điều lệ	Điều lệ Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
BKS	Ban kiểm soát
BTGD	Ban Tổng giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam
Đội ngũ QC	Đội ngũ kiểm tra chất lượng sản phẩm
BKS	Ban kiểm soát
BGD	Ban Giám đốc
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
EPS	Earning per share- Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần
P/E	Price per earning - Chỉ số giá trên thu nhập cổ phần.
ROA	Return on Asset – Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản
ROE	Return on Equity – Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
GTGT	Giá trị gia tăng
HACCP	Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (Hazard Analysis Critical Control Point)
Block	Cấp đông tiếp xúc dạng khối
IQF	Cấp đông rời (Individual Quick Freezing)

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu về Công ty

Tên tổ chức:	CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM
Tên giao dịch:	CAFICO VIETNAM
Tên tiếng Anh:	CAFICO VIETNAM JOINTSTOCK COMPANY
Tên viết tắt:	CAFICO VIETNAM
Trụ sở chính:	Số 09 đường Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại:	(058) 30854 312
Fax:	(058) 3 854 347
Website:	www.cafico.vn
Email:	info@cafico.vn , biz@cafico.vn
Logo:	



Vốn điều lệ:	16.291.200.000 đồng
Giấy phép thành lập:	Quyết định chuyển Công ty Thủy sản Cam Ranh thành Công ty Cổ phần của Thủ Tướng Chính phủ số 797/QĐ-TTg ngày 02/07/2001 (nay là Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam).
Giấy CNĐKKD:	Số 4200464415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26/10/2001, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13/05/2009
Mã số thuế:	4200464415
Tài khoản tiền đồng:	Số 0061000153599 – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cam Ranh. Địa chỉ: 122 đường 22/8 TX. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
Ngành nghề kinh doanh:	
-	Chế biến và kinh doanh thủy sản các loại; sản xuất và kinh doanh nước đá;
-	Kinh doanh các loại vật tư, nhiên liệu phục vụ đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy sản;
-	Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng;
-	Lắp đặt các công trình điện lạnh công nghiệp và dân dụng.

1.2 Lịch sử hình thành

Tiền thân Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam là Công ty Thủy sản Cam Ranh được UBND tỉnh Phú Khánh thành lập tháng 1/1984. Công ty Thủy sản Cam Ranh là doanh nghiệp Nhà nước chuyên sản xuất kinh doanh các mặt hàng thủy sản xuất khẩu.

Nhiều năm liền, Công ty Thủy sản Cam Ranh hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, là doanh nghiệp hàng đầu trên địa bàn thị xã Cam Ranh và là một trong những đơn vị có uy tín của ngành thủy sản Khánh Hòa, đặc biệt Công ty là đơn vị có tỷ suất lợi nhuận cao trong ngành thủy sản của tỉnh.

Tháng 11/2001 Công ty chuyển sang công ty cổ phần theo Quyết định số 797/QĐ-TTg ngày 02/7/2001 của Thủ tướng chính phủ. Công ty là một trong ba đơn vị thực hiện cổ phần thí điểm của tỉnh Khánh Hòa với 100% vốn cổ phần. Vốn điều lệ tại thời điểm cổ phần hóa là 10.182.000.000 đồng trong đó vốn sở hữu của công nhân viên 70% và vốn sở hữu bên ngoài 30%.

Từ thời điểm cổ phần hóa đến tháng 4/2007, Công ty Cổ phần thủy sản Cam Ranh thực hiện sản xuất kinh doanh có hiệu quả, cổ tức hàng năm trên 20%, là đơn vị hàng đầu trong sản xuất mặt hàng mực sushi xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản và được UBND tỉnh Khánh Hòa và Bộ Thương Mại đánh giá là đơn vị sản xuất kinh doanh có hiệu quả và bảo đảm uy tín xuất khẩu. Tháng 5/2007, Công ty Cổ phần thủy sản Cam Ranh đổi tên thành Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam. Công ty là đơn vị hội viên của VASEP và Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam.

Trong quá trình hình thành và phát triển Công ty đã được tặng thưởng:

- Huân chương lao động hạng ba năm 1994;
- Huân chương lao động hạng nhì năm 2000;
- Cờ thi đua của UBND tỉnh Khánh Hòa về thành tích 10 năm liền (1991-2000) hoàn thành vượt mức chỉ tiêu nộp ngân sách Nhà nước;
- Bằng khen của UBND tỉnh Khánh Hòa về thành tích xuất khẩu cao năm 2002;
- Bằng khen của Bộ Thương Mại về thành tích xuất khẩu năm 2002 có hiệu quả và tỷ lệ tăng trưởng trên 20%;
- Bộ Thương mại tặng cúp về thành tích đơn vị xuất khẩu uy tín 3 năm liền 2004, 2005, 2006; và nhiều bằng khen khác của các Bộ, ngành.

1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ của Cafico Việt Nam

Sau khi cổ phần hóa vào năm 2001 với mức vốn điều lệ là 10.182.000.000 đồng, Cafico Việt Nam đã tiến hành tăng vốn đợt 2 vào năm 2007 lên 16.291.200.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 144/DKCB do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 09 tháng 08 năm 2007. Trong đó:

- Chào bán hết cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 10:4): 407.280 cổ phần;
- Cổ phần phát hành thưởng cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 10:2): 203.640 cổ phần;
- Hủy chào bán cho các cổ đông chiến lược: 50.000 cổ phần;
- Hủy số cổ phần còn lại bán ra công chúng: 520.880 cổ phần.

Bảng 1 Quá trình tăng vốn của Công ty

STT	Năm	Vốn điều lệ (VNĐ)	Số tiền tăng (VNĐ)	Tốc độ tăng (%)
1	2001	10.182.000.000		
2	2007	16.291.200.000	6.109.200.000	60

Nguồn: CTCP Cafico Việt Nam

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ VIII thông qua ngày 29/11/2005.

Cơ sở hoạt động và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi lần 2) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2007, và được điều chỉnh bổ sung tại các kỳ họp ngày 26/01/2008 và 04/04/2009. Điều lệ được sửa đổi theo mẫu Điều lệ công ty niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 15/2007/QĐ.BTC ngày 19/03/2007 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm: văn phòng Công ty, văn phòng đại diện tại Tp. Hồ Chí Minh và 3 đơn vị trực thuộc:

- Văn phòng Công ty: Nơi đặt trụ sở chính của Công ty, có văn phòng làm việc của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các phòng nghiệp vụ gồm: Phòng kinh doanh, Phòng Kế toán, Phòng Kỹ thuật-Vật tư và Phòng Tổ chức Nhân sự.
- Địa chỉ: số 09 đường Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
- Văn phòng đại diện tại Tp. Hồ Chí Minh:
- Địa chỉ: 116 (lầu 3) đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- Các đơn vị trực thuộc :

Xí nghiệp thực phẩm CAFICO

Địa chỉ: Đường Cảng cá Đá Bạc, Phường Cam Linh, TX Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Trung tâm Dịch vụ thủy sản Đá Bạc

Địa chỉ: cạnh Cảng cá Đá Bạc, Phường Cam Linh, TX Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Xưởng nước đá Ba Ngòi

Địa chỉ: 243, Quốc lộ 1A, Phường Cam Lợi, TX Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

3.1 Cơ cấu bộ máy quản lý

- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện cổ đông được ủy quyền. Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau:
 - Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

- Thông qua định hướng phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - Quyết định mức cổ tức hàng năm cho mỗi loại cổ phần;
 - Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và BKS;
 - Chia, tách, hợp nhất, sát nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - Và các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** HĐQT Công ty có 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu cử theo nhiệm kỳ, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. HĐQT có các quyền hạn sau :
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty;
 - Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời;
 - Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - Và các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
- **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 3 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm sau :
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
 - Kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý trước khi đệ trình HĐQT;
 - Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận;
 - Và các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

3.2 Cơ cấu bộ máy điều hành

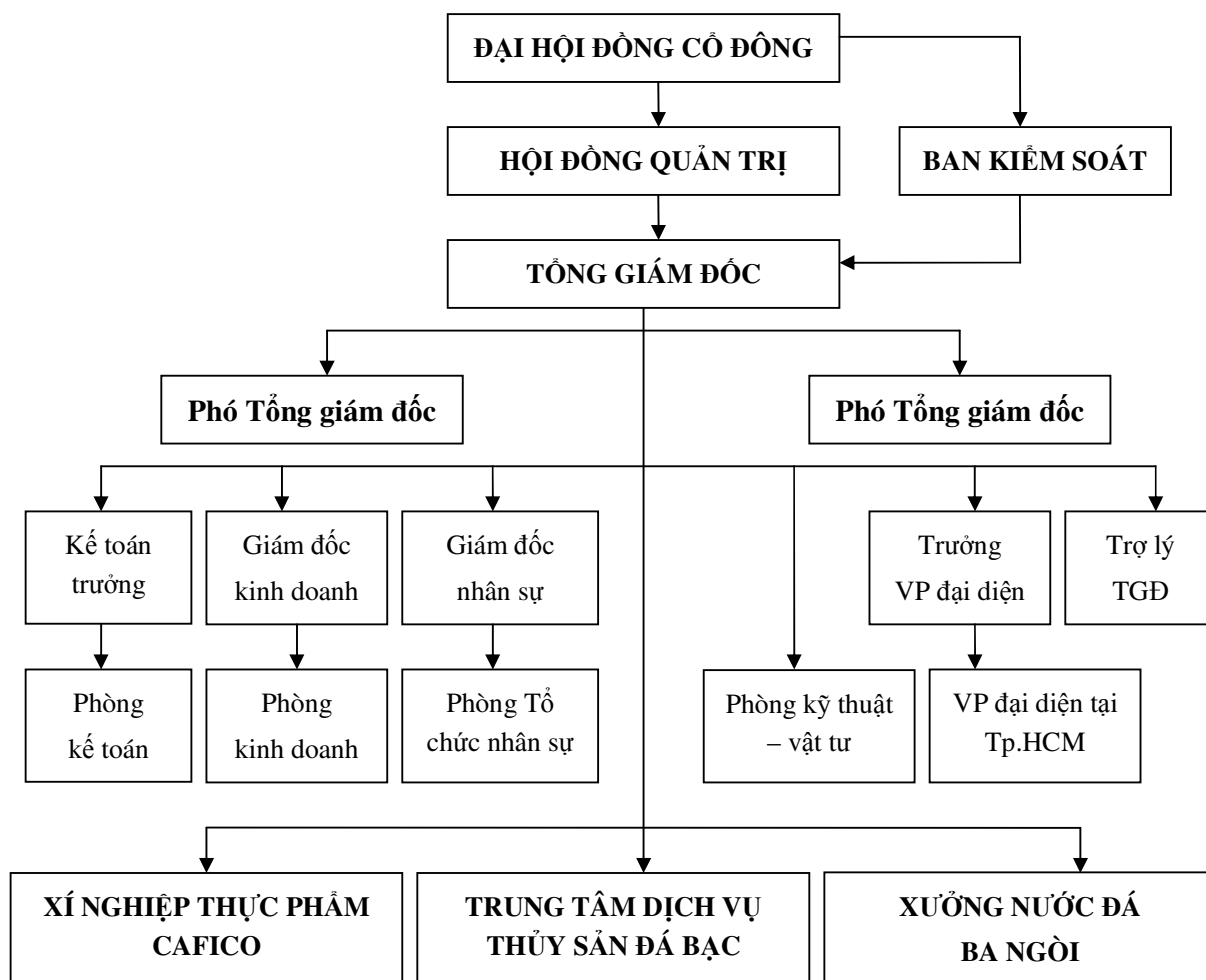
- **Ban Tổng giám đốc:** BTGD do HĐQT bổ nhiệm gồm 3 thành viên: 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:
 - Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của HĐQT bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính, thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý.
 - Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.
 - Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHCĐ và HĐQT thông qua;
 - Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm, hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh.
 - Và các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
- **Các Giám đốc điều hành:** Là các cán bộ quản lý nghiệp vụ chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc điều hành trên các lĩnh vực tài chính, nhân sự, kinh doanh; giúp việc trực tiếp cho Tổng Giám đốc điều hành nghiệp vụ phục vụ sản xuất kinh doanh, bao gồm Kế toán trưởng, Giám đốc kinh doanh, Giám đốc Nhân sự. Các Giám đốc điều hành kiêm trưởng các phòng nghiệp vụ trực tiếp điều hành các phòng nghiệp vụ.
- **Các phòng nghiệp vụ:** Các phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban giám đốc, trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc. Công ty có 4 phòng nghiệp vụ với chức năng được quy định như sau:
- *Phòng Tổ chức Nhân sự:* có chức năng xây dựng phương án kiện toàn tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh của Công ty; quản lý nhân sự; thực hiện công tác hành chính quản trị, tiền lương và các chế độ chính sách liên quan đến cán bộ, nhân viên của Công ty.
 - *Phòng kinh doanh:* có chức năng theo dõi, đàm phán và thực hiện các hợp đồng mua bán hàng hóa; làm thủ tục xuất nhập khẩu, vận chuyển; đóng hàng xuất khẩu và các nhiệm vụ khác thuộc phạm vi kinh doanh do Tổng Giám đốc giao.
 - *Phòng Kế toán:* có chức năng trong việc lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính của Công ty; phân tích các hoạt động kinh tế; tổ chức công tác hạch toán theo đúng chế độ kế toán thống kê và chế độ quản lý tài chính của Nhà nước.
 - *Phòng Kỹ thuật Vật tư:* có chức năng thực hiện các kế hoạch về đầu tư xây dựng cơ bản; lắp đặt các thiết bị phục vụ sản xuất; tham mưu cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực mua sắm máy móc thiết bị, vật tư phục vụ cho nhu cầu sản xuất. Giám sát chất lượng hàng hóa, về mẫu mã, quy cách; kiểm tra vi sinh,

giám sát việc thực hiện các hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng và các nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực kỹ thuật vật tư do Tổng Giám đốc phân công.

- *Văn phòng đại diện tại Tp. Hồ Chí Minh:* có chức năng giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu tại địa bàn Tp. Hồ Chí Minh và các nhiệm vụ giao dịch kinh doanh của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh.
- *Xí nghiệp thực phẩm CAFICO:* có chức năng sản xuất các mặt hàng thực phẩm để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch được Tổng Giám đốc giao.
- *Trung tâm dịch vụ thủy sản Đá Bạc:* có chức năng sản xuất nước đá để cung cấp cho chế biến và khai thác thủy sản; cung cấp các dịch vụ hàng hóa trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch được Tổng Giám đốc giao.
- *Xưởng nước đá Ba Ngòi:* có chức năng sản xuất nước đá cung cấp cho chế biến, khai thác thủy sản và tiêu dùng theo chỉ tiêu kế hoạch được Tổng Giám đốc giao.

Hình 1: Sơ đồ tổ chức quản lý Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam



4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông (tổ chức, các nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ)

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Vốn cổ phần tính đến thời điểm 25/05/2009 là 16.291.200.000 đồng, được chia thành 1.629.120 cổ phần với mệnh giá 10.000đ/cổ phần.

Bảng 2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Quang Tuyền	35 Hoàng Dư Khương, P.12,Q10, Tp.HCM	024335410	186.400	11,44
2	Võ Văn Sáu	P. Cam Lợi,Cam ranh, Khánh Hòa	225003511	185.120	11,36
3	Huỳnh Thị Diễm	P. Ba Ngòi,Cam ranh, Khánh Hòa	225052391	108.320	6,65

4.2 Cơ cấu cổ đông

Bảng 3 Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 25/05/2009

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nhà nước	-	-	-
2	Trong Cafico Việt Nam			
	- Hội đồng quản trị	5	497.520	30,539
	- Ban Tổng giám đốc	1	12.800	0,786
	- Ban kiểm soát	3	222.080	13,632
	- CBCNV	46	294.140	18,055
3	Ngoài Cafico Việt Nam			
	- Trong nước	79	590.580	36,251
	- Nước ngoài	1	12.000	0,737
	Tổng cộng	135	1.629.120	100

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Cafico Việt Nam, những công ty mà Cafico Việt Nam đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Cafico Việt Nam

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm và sản lượng

6.1.1. Sản phẩm

Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam cung cấp các loại sản phẩm dịch vụ đa dạng, trong đó hoạt động chế biến và kinh doanh thủy sản là hoạt động chủ yếu. Các sản phẩm trong hoạt động chế biến và kinh doanh thủy sản bao gồm: Mực ống, mực nang, mực lá, tôm và các sản phẩm thủy sản khác.

a. Mực ống:

- Sản lượng trung bình: 1.500 Tấn thành phẩm/năm
- Mùa vụ cung cấp: quanh năm
- Các sản phẩm: Mực ống sushi, Fillet Sashimi, Cắt bún, Sugata, Cắt khoanh, Đầu sushi, Tube, Nguyên con làm sạch, Nguyên con IQF...

b. Mực nang:

- Sản lượng: 500 - 700 Tấn thành phẩm/năm
- Mùa vụ cung cấp: Quanh năm
- Mặt hàng: Đầu mực xê banh, Đầu mực xiên que, Mực nang sushi, sashimi, Nguyên con làm sạch, Dè mực nang ...

c. Mực lá

- Sản lượng : 300 Tấn thành phẩm/năm
- Mùa vụ cung cấp : Quanh năm
- Mặt hàng: Sushi, Fillet, Nguyên con IQF, Cắt bún, Đầu mực lá ...

d. Bạch tuộc

- Sản lượng : 200 Tấn thành phẩm/năm
- Mùa vụ cung cấp: Quanh năm
- Mặt hàng: Bạch tuộc cắt khúc, Bạch tuộc tằm bột, nguyên con làm sạch ...

e. Tôm:

- Sản lượng: 400-600 Tấn thành phẩm/năm
- Mùa vụ cung cấp: Quanh năm
- Mặt hàng: Tôm sú, Tôm sú vỏ, Tôm sú thịt, Tôm thẻ, Tôm thẻ thịt, Tôm thẻ PTO

f. Cá

- Sản lượng: 200 – 300 Tấn thành phẩm/năm
- Mặt hàng: Cá chẽm, Cá chẽm fillet, Cá thu cắt lát, Cá thu, Cá thu fillet

6.1.2. Sản lượng sản phẩm và giá trị dịch vụ qua các năm 2006-2008

Dưới đây là minh họa tỷ trọng và sản lượng của từng loại sản phẩm chính của Cafico Việt Nam từ năm 2006-2008

Bảng 4 Sản lượng và cơ cấu sản phẩm thủy sản 2006 – 2008

Sản phẩm	2006		2007		2008	
	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)
Mực ống	773,5	51,5	760,3	65,6	585,0	59,8
Mực nang	422,0	29,6	340,0	29,3	381,0	39,0
Mực lá	18,3	1,3	-	-	-	-
Tôm	192,0	13,5	34,2	3,0	12,0	1,2
Khác	19,2	4,1	24,1	2,1	-	-

Nguồn: CTCP Cafico Việt Nam

Bên cạnh đó, các sản phẩm của Công ty chủ yếu là sản phẩm tinh chế (cao cấp), chiếm khoảng 60-70% tổng sản phẩm, còn lại là các sản phẩm đông block. Thị trường xuất khẩu chính của các sản phẩm trên là thị trường Nhật Bản (khoảng 80%) và các thị trường khác như Australia, Taiwan, HongKong ... (khoảng 20%).

Bảng 5 Sản lượng tiêu thụ sản phẩm thủy sản năm 2006 -2008

Sản phẩm	2006		2007		2008	
	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)
Sản phẩm tinh chế	999,3	70,1	928,6	80,1	731,3	74,48
Sản phẩm đông block	425,7	29,9	230,0	19,9	246,7	25,2
Tổng	1425,0		1158,6		978,0	

Nguồn: CTCP Cafico Việt Nam

Bảng 6 Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ 31/12/2006 -31/12/2008

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2006		2007		2008	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu từ xuất khẩu thủy sản	145.124	93,60	126.520	93,36	109.844	90,71
2	Doanh thu từ hàng nội địa	6.243	4,03	4.173	3,11	7.588	6,27
3	Doanh thu từ nước đá	3.511	2,26	3.345	2,50	3.597	2,97
4	Doanh thu từ dịch vụ	163	0,11	46	0,03	66	0,05
Tổng		155.041	100	134.084	100	121.095	100

Nguồn: CTCP Cafico Việt Nam

**Bảng 7 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh từ bán hàng và cung cấp dịch vụ
31/12/2006 -31/12/2008**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2006		2007		2008	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	LN từ kinh doanh thủy sản	5.434	117,95	1.705	5905,27	8.340	113,63
2	LN từ kinh doanh nước đá	561	12,18	701	2427,28	302	4,12
3	LN từ cung cấp dịch vụ	27	0,58	10	35,88	55	0,76
4	LN từ hoạt động tài chính	(1.415)	(30,71)	(2.387)	(8268,43)	(1.358)	(18,51)
Tổng		4.607	100	29	100	7.339	100

Nguồn: CTCP Cafico Việt Nam

6.2 Nguyên vật liệu

6.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu của Công ty được bảo đảm qua việc thu mua trong nước và cả nhập khẩu từ các đối tác nước ngoài có uy tín. Ngoài nguồn nguyên liệu trong nước, Công ty còn tăng cường nhập khẩu nguyên liệu nước ngoài từ các nước Châu Á và khu vực Trung Đông. Đây là nguồn cung cấp ổn định cho Công ty những năm sau này, khắc phục tính chất mùa vụ của nguồn nguyên liệu trong nước. Đối với nguồn nguyên liệu trong nước, do sản lượng mực ở biển miền Trung còn thấp, Công ty đã mở rộng thu mua nguyên liệu dưới dạng mực đông lạnh nguyên con đến miền Nam, nơi có sản lượng mực cao nhất và ổn định. Sản lượng nguyên liệu nhập khẩu của Công ty trong năm 2008 chiếm 40% tổng sản lượng nguyên liệu.

Nhìn chung, nguồn cung cấp nguyên vật liệu phục vụ chế biến thủy sản hiện nay khá ổn định và có chất lượng cao. Sản lượng khai thác mực ống trên toàn vùng biển Việt Nam hàng năm khoảng 24.000 tấn, trong đó vùng biển miền Nam có sản lượng cao nhất là khoảng trên 16.000 tấn (chiếm 70%), vịnh Bắc Bộ chiếm sản lượng lớn thứ nhì, khoảng 5000 tấn (20%), còn biển miền Trung có sản lượng thấp nhất khoảng 2.500 tấn (10%). Ngoài ra, mực ống của Việt Nam xuất khẩu sang hơn 30 thị trường nước ngoài, với doanh thu hàng năm đạt khoảng hơn 50-60 triệu USD tính trên cả sản phẩm đông lạnh tươi và sản phẩm khô. Sản lượng khai thác mực nang hàng năm của Việt Nam khoảng 26.000 tấn, phần lớn ở vùng biển Nam Bộ đạt khoảng 20.000 tấn, chiếm khoảng 76% tổng sản lượng mực nang. Miền Trung chiếm sản lượng khoảng 5.000 tấn (21%) và miền Bắc khoảng 1.000 tấn (3 %).

6.2.2. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Do nguyên vật liệu chế biến chính của công ty là tôm và mực, chi phí này cũng chiếm tỷ trọng cao nhất, hơn 84% giá thành sản phẩm. Do đó, biến động giá cả nguyên liệu chính sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu cũng như lợi nhuận của Công ty. Trong trường hợp giá bán không thay đổi, giá nguyên liệu tăng sẽ giảm lợi nhuận và ngược lại. Mặt khác, khi giá nguyên

liệu giảm, sản xuất kinh doanh có lãi, sản lượng tăng làm giảm đáng kể các chi phí bất biến, lợi nhuận tăng thêm.

Để giảm chi phí nguyên vật liệu chính trong giá thành sản phẩm, Công ty chú ý tiết kiệm định mức tiêu hao trong chế biến; tăng cường huy động vốn để nhập nguyên liệu dự trữ trong những tháng mùa vụ cao điểm, đồng thời coi trọng chất lượng (độ tươi tốt) của nguyên liệu.

6.3 Chi phí sản xuất

Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty trong 2 năm gần đây được thể hiện trong bản sau:

**Bảng 8 Tỷ trọng các mục chi phí của Cafico so với doanh thu thuần
31/12/2007-31/12/2008**

Đơn vị: đồng

STT	Yếu tố chi phí	2007		2008	
		Giá trị	%	Giá trị	%
1	Giá vốn hàng bán	123.591.215.793	92,17	105.126.536.241	86,81
2	Chi phí hoạt động tài chính	3.128.345.595	2,33	2.633.358.407	2,17
3	Chi phí bán hàng	4.843.064.344	3,61	3.815.665.077	3,15
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.233.640.733	2,41	3.455.291.817	2,85
Tổng		134.796.268.472	100,53	115.030.853.550	94,99

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008 của CTCP Cafico Việt Nam

Sau khi cổ phần hóa, Công ty thường xuyên điều chỉnh bộ máy quản lý nhằm phát huy giảm thiểu chi phí, tối đa hóa lợi nhuận. Mặt khác Công ty luôn tăng nhanh vòng quay vốn lưu động, rút ngắn chu kỳ luân chuyển vốn bằng cách thu tiền bán hàng nhanh, giảm thời gian lưu kho của nguyên liệu và sản phẩm và giảm thiểu lãi vay ngân hàng.

6.4 Trình độ công nghệ

Hệ thống máy móc thiết bị của Công ty được đầu tư thế hệ mới nên chi phí vận hành thấp, hiệu quả cao, tất cả còn đang sử dụng tốt như sau:

- Tủ đông tiếp xúc: 3 hệ thống, tổng công suất 10 tấn/ngày
- Máy cấp đông IQF: 01 hệ thống, công suất 10 tấn/ngày
- Hàm đông; 01 hệ thống, công suất 12 tấn/ngày
- Máy cấp đông Air Blast: 01 hệ thống, công suất 2,4 tấn/ngày
- Máy sản xuất đá vảy: 2 cái, công suất 22,5 tấn/ngày
- Nhà máy sản xuất nước đá cây: 02 nhà máy, tổng công suất 150 tấn/ngày
- Máy phát điện dự phòng: 310 KVA
- Kho trữ đông có tổng sức chứa: 700 tấn
- Máy dò kim loại: 02 cái
- Máy đóng gói chân không: 04 cái
- Máy tách khuôn và mạ băng: 01 hệ thống

- Máy siết dây đai đóng thùng: 04 cái
- Máy đánh khuấy mực: 04 cái
- Xe tải lạnh: 02 xe, tổng cộng 80m³
- Tổng công suất chế biến của Công ty: 15 tấn nguyên liệu/ ngày

Công nghệ chế biến: Công ty đã đồng bộ hóa cơ sở vật chất kỹ thuật và tiến hành sản xuất có hiệu quả, nâng cao được sản lượng sản phẩm thủy sản có giá trị gia tăng. Trong sản xuất Công ty đã đưa nhiệm vụ quản lý chất lượng sản phẩm lên mục tiêu hàng đầu để giữ vững thương hiệu của Công ty trên thị trường trong và ngoài nước, nhất là hàng cao cấp có giá trị cao (hiện chiếm tỷ trọng hơn 70% tổng sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Công ty). Do đánh giá và lựa chọn đúng phân khúc thị trường xuất khẩu cao cấp, cùng với chất lượng sản phẩm cao, mặt hàng này đem lại lợi nhuận cao hơn nhiều so với mặt hàng truyền thống (block). Đây cũng là một trong những ưu thế giúp Công ty thành công trong lĩnh vực chế biến hàng thủy sản xuất khẩu.

Hiện nay, Công ty đã đáp ứng được những đòi hỏi khắc khe và nghiêm ngặt về quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm của những khách hàng lớn thuộc thị trường khó tính; nâng cao chất lượng sản phẩm, đây là cơ sở để tăng sản lượng hàng năm đối với khách hàng truyền thống và mở rộng thị trường ra các khu vực khác trên thế giới.

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty do đội ngũ kỹ thuật sản xuất của Công ty đảm nhiệm qua việc tìm hiểu nhu cầu của thị trường để tạo ra các sản phẩm mới, đáp ứng được ngày càng tốt hơn về nhu cầu thị hiếu của khách hàng. Điều này thể hiện qua việc sản phẩm cao cấp của công ty đã tăng về số lượng và chủng loại mặt hàng, ngày càng đa dạng hơn so với trước đây. Hiện nay, với định hướng phát triển mạnh hơn trong tương lai, Công ty đang nghiên cứu phát triển hình thức hoạt động phong phú hơn trên các lĩnh vực.

6.6 Hệ thống quản lý chất lượng

Vấn đề chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm luôn là vấn đề quan tâm hàng đầu của mỗi người tiêu dùng. Hiện nay, sản phẩm của Công ty đã thâm nhập vào các thị trường lớn trên thế giới : Nhật, Úc, EU, Đài Loan.... Đây là các thị trường rất khó tính và kiểm soát nghiêm ngặt về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Do đó Công ty rất chú trọng đến việc thực hiện các chương trình quản lý chất lượng sản phẩm.

Công ty đã áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo HACCP (hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát các điểm kiểm soát tới hạn) và có một phòng kiểm nghiệm vi sinh phục vụ kiểm vi sinh thường xuyên, kiểm vi sinh sản phẩm.

Công ty đã thành lập tổ kỹ thuật sản xuất, đội HACCP và đội ngũ QC. Bộ phận này thường xuyên giám sát chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất, giám sát quy trình quy phạm, quy cách mẫu mã sản phẩm và kiểm tra vi sinh trong suốt quá trình sản xuất.

Ngoài ra, Công ty còn đào tạo cho Công nhân luôn nâng cao ý thức trong việc chấp hành tốt quy trình, quy phạm sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm. Mỗi một công nhân là một kiểm soát viên tự chịu trách nhiệm trên sản phẩm do mình chế biến.

Đây là yếu tố hết sức cơ bản để Công ty giữ vững được uy tín sản phẩm, thương hiệu của mình.

6.7 Hoạt động marketing

6.7.1. Quảng bá thương hiệu

Thương hiệu “Cafico Việt Nam” của Công ty đã được các thị trường lớn như Nhật Bản, Úc, Đài Loan, EU... chấp nhận. Đặc biệt, sản phẩm của Cafico Việt Nam được đánh giá cao tại thị trường Nhật Bản. Việc quảng bá thương hiệu được thực hiện qua giao tiếp ở các kỳ hội chợ trong nước thông qua VASEP, qua các catalogue... Ngoài ra Công ty còn thực hiện tìm kiếm khách hàng qua thông tin của ngành thủy sản, mạng Internet và sự giới thiệu của các bạn hàng trong và ngoài nước

6.7.2. Chiến lược giá

Giá cả sản phẩm là yếu tố đặc biệt quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, chiến lược chào giá bán hàng cũng thay đổi theo từng thời kỳ, từng khách hàng và từng quốc gia nhập khẩu. Để thực hiện việc kinh doanh sản phẩm có hiệu quả, Công ty đã chủ động tìm hiểu thói quen sinh hoạt, tập quán của từng thị trường, mùa vụ thu hoạch của các nước, những ngày lễ, những ngày nghỉ của các địa phương, của các quốc gia để Công ty có chiến lược cụ thể cho việc chào giá bán phù hợp, bảo đảm giữ được khách hàng và kinh doanh có hiệu quả.

6.7.3. Xúc tiến bán hàng

Xúc tiến thương mại được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng đối với việc phát triển kinh doanh, tăng lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, Công ty cũng liên tục đầu tư để nâng cao trình độ công nghệ thông tin liên lạc một cách hiệu quả nhằm phục vụ cho công tác tìm kiếm khách hàng và xúc tiến thương mại. Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến việc gặp gỡ và duy trì mối quan hệ với các khách hàng cũ cũng như mới nhằm mở ra các cơ hội tốt.

Đối với việc tìm kiếm thị trường mới, Công ty thường xuyên tiếp thị ở các nước khác nhau nhằm tạo ra cơ hội để các đối tác tiếp cận được với sản phẩm của Công ty. Tuy nhiên, trước xu thế hội nhập và các thách thức ngày càng lớn của thị trường thế giới, các nhà quản lý và các doanh nghiệp của ta còn nhiều non kém về thị trường, luật lệ, khả năng cạnh tranh nên Bộ thủy sản cũng đã có định hướng sẽ tăng cường hơn nữa các hoạt động hợp tác quốc tế nhằm nâng cao năng lực của ngành trong thương mại thủy sản.

6.7.4. Phương thức phân phối

Công ty chủ yếu bán hàng trực tiếp với khách hàng nước ngoài và thường bán với giá CNF, phương thức thanh toán chủ yếu là L/C.

6.8 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 9 Các hợp đồng lớn đã ký kết hoặc đang thực hiện năm 2009

Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng (USD)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
12/CFC2009*	132.487	02/2009	Mực ống cao cấp	Central Fishery
16/CFC2009*	210.000	02/2009	Mực ống cao cấp	Gulf Food (Japan)
18/CFC2009*	246.227	03/2009	Mực ống cao cấp	Gulf Food (Japan)
19/CFC2009*	218.000	03/2009	Mực ống cao cấp	Gulf Food (Japan)
20/CFC2009*	220.852	03/2009	Mực ống cao cấp	Gulf Food (Japan)
24/CFC2009*	409.359	05/2009	Mực ống cao cấp	Matsuoka (Japan)
30/CFC2009**	215.000	06/2009	Mực ống cao cấp	Gulf Food (Japan)
31/CFC2009*	400.790	06/2009	Mực ống cao cấp	Matsuoka (Japan)

Nguồn: CTCP Cafico Việt Nam

(*) Hợp đồng đã được thực hiện trong năm 2009

(**) Hợp đồng đang được thực hiện trong năm 2009

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2008

7.1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 10 Kết quả hoạt động kinh doanh 31/12/2007 – 31/12/2008

Chỉ tiêu	Đơn vị: đồng		
	Năm 2007	Năm 2008	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	59.575.909.718	38.476.383.667	(35,42)
Doanh thu thuần	134.084.458.936	121.095.113.204	(9,69)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.876.856	7.339.381.577	25316,14
Lợi nhuận khác	272.045.437	8.830.559	(96,75)
Lợi nhuận trước thuế	300.922.293	7.348.212.136	2341,90
Lợi nhuận sau thuế	296.404.679	7.173.099.771	2320,04
Cổ tức (%)	10%	20%	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008 của CTCP Cafico Việt Nam

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2009

- Những nhân tố thuận lợi
 - Mở được thị trường nhập khẩu nhiên liệu, khắc phục cơ bản yếu tố mùa vụ của ngành thủy sản;

- Công ty có quy trình quản lý sản xuất HACCP theo các tiêu chuẩn quy phạm về sản xuất chế biến hàng thủy sản xuất khẩu;
 - Chất lượng sản phẩm của Công ty được khách hàng ở hầu hết các thị trường tín nhiệm, đặc biệt thị trường Nhật Bản với các sản phẩm sushi;
 - Thị trường xuất khẩu tương đối ổn định và ngày càng được mở rộng;
 - Đội ngũ công nhân lành nghề, đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý nghiệp vụ có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm;
 - Cơ sở vật chất hiện đại, đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất.
- Những nhân tố khó khăn
- Trong năm 2008, thị trường biến động do ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế, thêm vào đó là sự cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt giữa các doanh nghiệp xuất khẩu trong nước cũng như ngoài nước khiến hiệu quả kinh doanh của Công ty giảm sút, mặc dù năng lực sản xuất của Công ty có khả năng đưa ra sản lượng cao.
 - Về xuất khẩu hàng thủy sản, các công ty hoạt động trong ngành thủy sản phải đối mặt với một số khó khăn nhất định trong việc sản phẩm nhiễm chất kháng sinh, tần suất kiểm soát của các nước nhập khẩu tăng lên. Do đó, để khắc phục Công ty đã tăng cường việc kiểm soát nguyên liệu nhập khẩu và quy trình sản xuất, khiến chi phí sản xuất tăng lên.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của công ty trong ngành

Công ty đã hoạt động sản xuất kinh doanh và định vị được mình trong ngành Thủy sản Việt Nam, vốn là ngành có nhiều doanh nghiệp có quy mô lớn và cạnh tranh cao qua việc Công ty đã chọn hướng đi phù hợp để tồn tại và phát triển, nâng dần vị thế của mình so với các doanh nghiệp khác, đặc biệt tập trung vào xuất khẩu mặt hàng thủy sản cao cấp.

Trong quá trình hoạt động và phát triển, Công ty luôn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu, kế hoạch từ năm 1991 đến 2006, trong đó 10 năm liên tục hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao (1991 -2000), và đứng thứ hai trong các doanh nghiệp thủy sản Khánh Hòa, cũng như là đơn vị hàng đầu của cả nước về sản xuất mặt hàng mực sushi xuất khẩu.

Phân tích SWOT :

Điểm mạnh :

- Thị trường tiêu thụ ổn định, khách hàng của Công ty là những nhà nhập khẩu lớn, có uy tín và có tính lâu dài;
- Công ty có năng lực tổ chức chế biến, tiêu thụ sản phẩm mực cao cấp, đáp ứng được yêu cầu thị trường lớn như Nhật Bản, EU, Úc,....;
- Đã xây dựng và thực hiện hệ thống quản lý chất lượng, bảo đảm chất lượng sản phẩm để tiêu thụ vào thị trường lớn và yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng;
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị tương đối đồng bộ và hiện đại;

- Tài chính lành mạnh, nhiều năm liên hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả;
- Bảo đảm nguồn nguyên liệu nhập khẩu để ổn định sản xuất, giữ được nguồn nhân lực có tay nghề cao;
- Bộ máy tổ chức ổn định, Ban lãnh đạo có năng lực, kinh nghiệm; đội ngũ cán bộ kỹ thuật, kinh tế có trình độ và có khả năng tiếp cận thông tin cập nhật.

Thách thức :

- Sự cạnh tranh mua bán giữa các doanh nghiệp trong nước gay gắt và quyết liệt, giá cả thị trường không ổn định, chi phí sản xuất tăng hơn các năm trước đây. Biện pháp khắc phục : Nhập khẩu nguyên liệu để ổn định sản xuất, đẩy mạnh tiết kiệm chi phí trong sản xuất;
- Nguồn lao động phổ thông hạn chế do sự cạnh tranh giữa các ngành công nghiệp khác mới phát triển, tính ổn định của lao động không cao. Biện pháp khắc phục : Ổn định đời sống và có các chính sách phù hợp để thu hút lao động.

Cơ hội :

- Nền kinh tế Việt Nam và các nước nhập khẩu thủy sản của Việt Nam đang trên đà phát triển tạo cơ hội cho Công ty mở rộng thị trường tiêu thụ;
- Hiện nay ngành thủy sản là ngành đang được chính phủ khuyến khích đầu tư phát triển;
- Xu hướng tiêu dùng của người dân hiện tại và trong tương lai đang và sẽ tăng tỷ lệ thủy hải sản trong cơ cấu thực phẩm do thực phẩm thủy hải sản có dinh dưỡng cao, an toàn và rẻ;
- Quá trình hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ : Quá trình hội nhập AFTA giảm thuế nhập khẩu của Việt Nam vào các nước ASEAN; Việt Nam gia nhập WTO tạo điều kiện mới cho các doanh nghiệp phát triển.

Nguy cơ:

- Các nước nhập khẩu kiểm tra nghiêm ngặt mức dư lượng kháng sinh trong sản phẩm thủy sản. Biện pháp khắc phục : tăng cường tần suất kiểm soát kháng sinh ở nguyên liệu và kiểm tra vi sinh chặt chẽ hơn trong quá trình chế biến sản phẩm;
- Công nghệ chế biến của các nước xuất khẩu nguyên liệu ngày càng tiến bộ, tăng khả năng chế biến tại chỗ làm cho lượng nguyên liệu nhập khẩu của Công ty giảm. Biện pháp khắc phục : Mở rộng thị trường mua nguyên liệu ra nhiều nước, nhiều khu vực.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Ngành thủy sản Việt Nam được xem là một trong những ngành mũi nhọn đem lại hiệu quả kinh tế hàng triệu USD mỗi năm. Thủy sản Việt Nam phát triển mạnh mẽ gần đây chủ yếu dựa vào sự phát triển của ngành nuôi. Sức cạnh tranh của thủy sản Việt Nam trên thế giới chủ yếu dựa vào giá nhân công, giá nguyên vật liệu và quy mô sản xuất. Tuy nhiên, ngành nuôi trồng thủy sản Việt Nam vẫn chưa chứng tỏ được là ngành có thể kiểm soát, cũng như không kiểm soát được cả cung và chất lượng nguồn nguyên liệu.

Tuy nhiên, kể từ khi Việt Nam gia nhập WTO, ngành thủy sản được hưởng nhiều thuận lợi và cơ hội phát triển mới: Các sản phẩm thủy sản thâm nhập sâu rộng hơn vào thị trường thế giới. Sự ưu đãi hơn về thuế quan, xuất xứ hàng hóa, hàng rào phi thuế quan và những lợi ích về đối xử công bằng, bình đẳng sẽ tạo điều kiện để hàng thủy sản Việt Nam có khả năng cạnh tranh hơn trên thị trường thế giới.

Theo dự đoán, ngành thủy sản Việt Nam sẽ còn khả năng tăng trưởng trong ít nhất năm năm tới, cùng với quá trình mở rộng thị trường, do nhu cầu tiêu thụ thủy sản trên thế giới vẫn tiếp tục tăng. Sự tăng trưởng dân số, cùng với sự xuất hiện những căn bệnh ở gia cầm, gia súc và xu hướng chuyển sang ăn thủy sản tăng, mức tiêu thụ thủy sản sẽ tăng từ 17-19 kg/người/năm, nhu cầu thực phẩm thủy sản thế giới ở mức 121 triệu tấn vào năm 2010 tăng 22% so với năm 2001. Bên cạnh đó, đại diện VASEP cho biết: theo số liệu mới nhất của Tổng cục Hải quan, trong năm 2008, xuất khẩu thủy sản của cả nước đạt trên 1,2 triệu tấn, trị giá đạt trên 4,5 tỷ USD, tăng 33,7% về khối lượng và 19,8% về giá trị so với năm 2007.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

8.3.1. Định hướng phát triển của Chính phủ:

Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định phê duyệt Chương trình phát triển xuất khẩu thủy sản đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 nhằm hiện đại hoá ngành thủy sản, nâng cao khả năng cạnh tranh, đưa xuất khẩu thủy sản tiếp tục tăng trưởng một cách hiệu quả, bền vững, có vị thế cao trên thị trường quốc tế.

- Theo chương trình, đến năm 2010, ngành thủy sản phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu bình quân trên 9%/năm; giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 4 - 4,5 tỷ USD.
- Đến năm 2020, trình độ công nghệ chế biến thủy sản tương đương với các nước phát triển, đưa thủy sản tiếp tục là ngành kinh tế mũi nhọn và là một trong những ngành hàng xuất khẩu chủ lực của cả nước.

Với mục tiêu nêu trên, có thể thấy tốc độ phát triển trong hoạt động xuất khẩu thủy sản là rất lớn, hứa hẹn nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp chế biến thủy sản vươn lên theo hướng mở rộng thị trường và gia tăng năng lực sản xuất.

Cơ cấu hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam vẫn tiếp tục chuyển dịch theo hướng tiếp tục gia tăng tỷ trọng của sản phẩm chế biến, chế tạo và các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, giảm tỷ trọng hàng thô (ướp đông, đông lạnh, hàng khô).

8.3.2. Định hướng phát triển của Công ty

Định hướng về sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu của ngành thủy sản Khánh Hòa là tiếp tục phát triển các nhóm sản phẩm xuất khẩu chủ yếu: tôm, cá, mực, cua, ghe, nhuyễn thể (chân đầu và chân bụng)... đông lạnh, các loại thực phẩm phối chế, đồ hộp thủy sản để xuất khẩu các thị trường nước ngoài. giảm tỷ trọng xuất khẩu hàng thô, tăng lượng hàng có chất lượng cao, có giá trị gia tăng lên 20 - 22 %/ năm, tăng sản lượng hàng tươi sống cao cấp bằng các giải pháp nâng cao chất lượng và chủng loại nguyên liệu đầu vào để tăng giá bán bình quân 3 -

6 USD/kg trong năm 2006 lên 8 - 10 USD/ kg vào năm 2010. Tổng sản lượng hàng thủy sản xuất khẩu sẽ tăng không nhiều nhưng phải phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm, hình thức bao bì nhằm tăng nhanh giá trị của sản phẩm xuất khẩu, có như vậy mới có thể đạt được kim ngạch xuất khẩu 321 triệu USD vào năm 2010.

Với mục tiêu của ngành thủy sản Việt Nam và ngành thủy sản Khánh Hòa, Công ty tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm và đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng thủy sản xuất khẩu có giá trị gia tăng. Đến nay Công ty là một trong những đơn vị hàng đầu của ngành thủy sản về sản xuất mặt hàng mực sushi (mặt hàng cao cấp) để cung cấp cho thị trường nước ngoài, trong đó chủ yếu là thị trường Nhật Bản và các thị trường khác.

Để bảo đảm sản lượng nguyên liệu phục vụ cho kế hoạch sản xuất của Công ty hằng năm, ngoài lượng nguyên liệu tại địa phương và trong nước, Công ty đã mở rộng thị trường mua nguyên liệu ra nước ngoài từ năm 2003 đến nay. Nhờ chính sách nhập khẩu nguyên liệu mà Công ty đã ổn định sản xuất khắc phục cơ bản yếu tố mùa vụ của ngành thủy sản, chuyển từ sản xuất mang tính chất nông nghiệp sang công nghiệp phù hợp với sự phát triển hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước.

Với nhu cầu thực phẩm thủy sản thế giới tăng cao như dự báo, định hướng phát triển của Cafico Việt Nam trong các năm tới hoàn toàn phù hợp với triển vọng phát triển chung của ngành thủy sản Việt Nam.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong công ty

Tại thời điểm công ty chuyển sang cổ phần, tổng số lao động của Công ty là 345 người. Tính đến thời điểm 01/06/2009, tổng số lao động của Công ty là 597 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng lao động được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 11 Cơ cấu lao động tại thời điểm 01/06/2009

Đơn vị: người

Phân theo giới tính	Số lượng
- Nam	119
- Nữ	478
Phân theo trình độ chuyên môn	Số lượng
- Trên đại học	0
- Đại học	29
- Cao đẳng, Trung cấp	24
- Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	544
Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	Số lượng
- Không xác định thời hạn	280
- Có xác định thời hạn	317

Nguồn: CTCP Cafico Việt Nam

9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

9.2.1. Chính sách đào tạo

Trong nền kinh tế tri thức, yếu tố con người quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Trên quan điểm này, Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nâng cao tay nghề, nhận thức được trách nhiệm và quyền lợi của mình từ trong việc làm cụ thể, từ đó tránh được những sai sót, tăng hiệu quả cho doanh nghiệp. Ngoài ra, Công ty luôn chú trọng đào tạo cho người lao động về nếp sống văn hóa, xây dựng thói quen về ý thức bảo vệ môi trường, tác phong làm việc trong sản xuất công nghiệp...

Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo như phổ biến nội quy quy định của Công ty, các quy định của pháp luật đối với quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động. Việc đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng HACCP, kiểm tra giám sát việc thực hiện đúng các quy trình, quy phạm trong sản xuất trở thành hoạt động thường xuyên trong hoạt động hàng ngày từ đội ngũ quản lý kỹ thuật đến người công nhân. Công ty xem đây là một trong những nội dung thi đua hàng tháng có chi phối đến quyền lợi của từng người. Hàng năm việc xét nâng bậc lương cho người lao động được thực hiện trên cơ sở kiểm tra sát hạch sự hiểu biết công việc và thành thạo tay nghề của người lao động. Công ty tổ chức các lớp đào tạo, phân công cán bộ kỹ thuật hướng dẫn lý thuyết và tay nghề cho công nhân, gửi cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và công nhân đi dự các khóa học chuyên ngành...

9.2.2. Chính sách tiền lương

Trên cơ sở nhận thức con người là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Do đó, muốn giữ được con người nhất là người lao động lành nghề thì chính sách đãi ngộ mà cụ thể là chính sách tiền lương phải tốt. Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương Công ty áp dụng các hình thức trả lương phù hợp với từng loại công việc ở các bộ phận có tính chất khác nhau. Trong đó hình thức trả lương theo sản phẩm là chủ yếu. Với chính sách tiền lương của Công ty đã kích thích được người lao động hăng say trong công việc và chấp hành tốt các quy định, quy chế của Công ty trong làm việc.

Bảng 12 Thu nhập bình quân qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị: 1000 đồng/người/tháng			
	2005	2006	2007	2008
Thu nhập bình quân	1.206	1.292	1.270	1.760

Nguồn: CTCP Cafico Việt Nam

9.2.3. Chính sách thưởng

Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, bình bầu thi đua xếp loại lao động A, B, C và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng 13. Ngoài ra, còn có chính sách khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc từ nguồn quỹ khen thưởng của Công ty được trích từ lợi nhuận.

Các cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc được Công ty đề nghị các cấp chính quyền và Liên Đoàn Lao động tặng bằng khen, giấy khen... để động viên phong trào lao động sản xuất tại Công ty.

9.2.4. Chính sách trợ cấp

Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật lao động, ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Người lao động của Công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể được cơ quan chức năng thừa nhận.

9.2.5. Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Bên cạnh việc bảo đảm các chính sách theo Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể, hàng năm Công ty còn tổ chức cho đại đa số công nhân, nhân viên đi tham quan nghỉ dưỡng, nhằm tạo môi trường sinh hoạt tập thể để người lao động gần gũi nhau hơn, đem lại không khí đoàn kết để làm việc; tổ chức cho một số cán bộ kỹ thuật, cán bộ kinh tế và công nhân ưu tú đi tham quan nghỉ dưỡng học tập ở nước ngoài để mở mang kiến thức và sự hiểu biết.

- Công ty có nhà ăn tập thể phục vụ cho người lao động. Người lao động ăn tại bếp ăn tập thể được Công ty hỗ trợ 70% giá trị bữa ăn;
- Công ty có nhà ở tập thể cho các cán bộ kỹ thuật ở xa đến làm việc tại Công ty;
- Công ty quan tâm đến môi trường làm việc và cảnh quan môi trường ở cơ quan, cơ sở sản xuất. Điều kiện nơi làm việc tại phân xưởng được nâng cấp hàng năm, xung quanh nhà xưởng nhà làm việc đều có cây xanh, cây cảnh để tạo sự gắn kết của cán bộ công nhân viên đến Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới. Qua các năm hoạt động sau cổ phần hóa cho đến nay tỷ lệ cổ tức được đảm bảo ổn định trên 20%/năm.

Bảng 13 Tỷ lệ cổ tức qua các năm thực hiện và dự kiến các năm 2009-2010

Chỉ tiêu	2004	2005	2006	2007	2008	2009-2010
Tỷ lệ cổ tức (%)	20	20	22	10	20	18 - 20

Nguồn: CTCP Cafico Việt Nam

11. Tình hình hoạt động tài chính

Các số liệu tài chính sử dụng trong bản công bố thông tin này được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Cafico Việt Nam và được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học AISC.

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản năm 2008

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao TSCĐ của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.
- TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và nâng cấp được tính tăng giá trị TSCĐ. Những khoản chi phí phát sinh khi TSCĐ hữu hình hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa, đại tu được tính vào chi phí phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí.

Bảng 14 Thời gian khấu hao ước tính của tài sản cố định

STT	Loại tài sản	Thời gian khấu hao ước tính (năm)
TSCĐ hữu hình		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
2	Máy móc thiết bị	05 – 12
3	Phương tiện vận tải	05 – 10
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
5	TSCĐ hữu hình khác	03 – 05

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008 của CTCP Cafico Việt Nam

11.1.2. Mức lương bình quân

Tiền lương bình quân của công nhân, nhân viên làm việc tại công ty hiện nay là 1.850.000 đồng/người/tháng, so với các doanh nghiệp khác trong cùng địa bàn ở địa phương và ngành thủy sản Khánh Hòa được xếp vào loại khá cao, có đời sống ổn định.

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản công nợ như: ngân hàng, khách hàng... luôn được Công ty quan tâm thanh toán đúng theo hợp đồng đã ký kết.

11.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp theo luật định như: các loại thuế, phí và lệ phí... luôn được Công ty thực hiện tốt, hoàn thành nghĩa vụ của mình.

11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và

hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Số dư các quỹ của từ năm 2007 và 2008 như sau:

Bảng 15 Số dư các quỹ năm từ 31/12/2007 đến 31/12/2008

		Đơn vị tính: đồng	
STT	Các quỹ	2007	2008
1	Quỹ đầu tư phát triển	1.991.803.925	3.560.125.034
2	Quỹ dự phòng tài chính	768.737.301	1.076.836.720
3	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	119.664.124	359.394.965
Tổng cộng		2.880.205.350	4.996.356.719

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008 của CTCP Cafico Việt Nam

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của Cafico Việt Nam như sau:

- Các quỹ đầu tư phát triển: bổ sung vốn điều lệ Công ty;
- Quỹ dự phòng tài chính: bổ sung vốn điều lệ theo quy định pháp luật, khoản trích này không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích đến bằng 10% vốn điều lệ của Công ty;
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi: thưởng cho CBCNV và chi cho các hoạt động phúc lợi trong Công ty.

11.1.6. Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 31/12/2008, căn cứ theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, tình hình nợ vay của Công ty như sau:

Bảng 16 Tổng dư nợ vay

		Đơn vị: đồng	
STT	Các quỹ	2007	2008
1	Vay và nợ ngắn hạn	38.545.771.520	12.057.913.060
2	Vay và nợ dài hạn	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008 của CTCP Cafico Việt Nam

11.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007, 2008 tình hình công nợ của Công ty trong 2 năm vừa qua như sau:

- Các khoản phải thu

Bảng 17 Các khoản phải thu từ 31/12/2007 - 31/12/2008

			Đơn vị: đồng	
STT	Chỉ tiêu	2007	2008	
1	Phải thu khách hàng	1.991.346.953	3.929.316.074	
2	Trả trước cho người bán	274.711.350	579.900.000	
3	Thuế GTGT được khấu trừ	233.291.130	126.273.395	
4	Phải thu nội bộ	-	-	
5	Các khoản phải thu khác	84.591.453	22.152.517	
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-	
Tổng		2.583.940.886	4.657.641.986	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008 của CTCP Cafico Việt Nam

- Các khoản phải trả

Bảng 18 Các khoản phải trả từ 31/12/2007 – 31/12/2008

			Đơn vị: đồng	
STT	Chỉ tiêu	2007	2008	
I	Nợ ngắn hạn	40.149.346.341	17.016.185.542	
1	Vay ngắn hạn	38.545.771.520	12.057.913.060	
2	Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	
2	Phải trả cho người bán	592.148.634	727.518.084	
3	Người mua trả tiền trước	239.760.000	-	
4	Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	-	75.565.217	
5	Phải trả người lao động	696.083.197	2.512.521.942	
6	Phải trả phải nộp khác	75.582.990	1.642.667.239	
7	Chi phí phải trả	-	-	
II	Nợ dài hạn	27.753.348	24.247.598	
III	Nợ khác	-	-	
Tổng cộng		40.177.099.689	17.040.433.140	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008 của CTCP Cafico Việt Nam

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 31/12/2007 -31/12/2008

Các chỉ tiêu	Đơn vị	2007	2008
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,08	1,41
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,13	0,12
2. Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	%	67,44	44,29
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	32,36	54,78

3. Năng lực hoạt động

- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng/lần	3,57	6,08
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	225,06	314,73

4. Khả năng sinh lời

- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,22	5,92
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1,53	33,46
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,5	18,64
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,02	6,06

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008 của CTCP Cafico Việt Nam

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng
12.1 Danh sách
Bảng 20 Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số CMND
1	Nguyễn Quang Tuyến	Chủ tịch HĐQT	12/09/1962	024335410
2	Lê Thị Ngọc Lan	Thành viên HĐQT	21/11/1961	220071597
3	Lê Thanh Hóa	Thành viên HĐQT	20/11/1967	220572385
4	Trương Lên	Thành viên HĐQT	20/06/1960	225073718
5	Võ Văn Sáu	Thành viên HĐQT	02/05/1963	225003511

Bảng 21 Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số CMND
1	Nguyễn Quang Tuyến	Tổng Giám đốc	12/09/1962	024335410
2	Lê Thị Ngọc Lan	Phó Tổng giám đốc	21/11/1961	220071597
3	Đỗ Trị	Phó Tổng giám đốc	10/04/1961	220779205

Bảng 22 Thành viên Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số CMND
1	Nguyễn Nhân	Trưởng Ban kiểm soát	01/05/1961	225053479
2	Lê Thị Mỹ	Thành viên BKS	22/06/1962	220253633
3	Huỳnh Thị Diễm	Thành viên BKS	07/07/1995	225052391
4	Lê Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	26/08/1963	220315931

12.2 Sơ yếu lý lịch

Ông NGUYỄN QUANG TUYẾN - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Quang Tuyến
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 12.09.1962
CMND: 024335410, cấp ngày 30/06/1992, tại Công an Tp.HCM
Nơi sinh: Hàm Tân, Bình Thuận
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Mỹ Lương, Chợ Mới, An Giang
Địa chỉ thường trú: Số 09 đường Lê Hồng Phong, Thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
Số ĐT cơ quan: (058) 3 854311
Trình độ học vấn: Đại học
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 06.1984- 08.1985: Trưởng Phòng Kế hoạch- Công ty thủy sản Cam Ranh
- 09.1985- 08.1991: Phó Giám đốc- Công ty thủy sản Cam Ranh
- 09.1991- 10.2001: Giám đốc- Công ty thủy sản Cam Ranh
- 11.2001- 04.2007: Chủ tịch HĐQT, Giám đốc- Công ty Cổ phần thủy sản Cam Ranh (Cafico Việt Nam)
- 05.2007- nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty

Số cổ phần nắm giữ: 186.400 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: (Không)

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: (Không)

BÀ LÊ THỊ NGỌC LAN - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: Lê Thị Ngọc Lan

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 21/11/1961

CMND: 220071597, cấp ngày 23/09/1993 tại Công an Khánh Hòa

Nơi sinh: Diên Khánh, Khánh Hòa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Diên Khánh, Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú: Phường Cam Lộ, TX Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Số ĐT cơ quan: (058) 3950676

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ chế biến thủy sản

Quá trình công tác:

- 12.1984 - 03.1986: Phó Phòng Kế hoạch Cty thủy sản Cam Ranh
- 04.1986 – 11.1992: Trưởng Phòng Kỹ thuật ; Quản đốc Nhà máy đông lạnh-Công ty thủy sản Cam Ranh
- 12.1992 – 10.2001: Phó Giám đốc Công ty thủy sản Cam Ranh
- 11.2001 – 04.2007: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần thủy sản Cam Ranh
- 05.2007 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty.

Số cổ phần nắm giữ: 48.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: Không

ÔNG LÊ THANH HÓA - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Lê Thanh Hóa

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/11/1967

CMND: 220572385, cấp ngày 15/08/1995, tại Công an Khánh Hòa

Nơi sinh: Đức Phổ, Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đức Phổ, Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: Phường Cam Lộ, TX Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Số ĐT cơ quan: (058) 3854312

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

- 10/1989 – 06/1993: Nhân viên Phòng Kinh doanh-Công ty thủy sản Cam Ranh
- 07/1993 – 10/2001: Trưởng Phòng Kinh doanh – Công ty thủy sản Cam Ranh
- 11/2001 – 12/2005: Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty cổ phần thủy sản cam Ranh
- 01/2006 – 04/2007: Thành viên Hội đồng quản trị, Trợ lý Giám đốc Công ty Cổ phần thủy sản Cam Ranh
- 05/2007 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Trợ lý Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 30.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: Không

ÔNG TRƯƠNG LÊN - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Trương Lên

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/06/1960

CMND: 225073718, cấp ngày 02/02/1996, tại Công an Khánh Hòa

Nơi sinh: Phù Cát, Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phù Cát, Bình Định.

Địa chỉ thường trú: Phường Cam Thuận, TX Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Số ĐT cơ quan: (058) 3950675

Trình độ học vấn: Trung cấp

Trình độ chuyên môn: Chuyên ngành lao động tiền lương

Quá trình công tác:

- 11/1986 – 10/2001: Trưởng Phòng Tổ chức Nhân sự - Công ty thủy sản Cam Ranh
- 11/2001 – 04/2007: Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Phòng Tổ chức Nhân sự Công ty Cổ phần thủy sản Cam Ranh
- 05/2007 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Nhân sự Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Nhân sự.

Số cổ phần nắm giữ: 48.000 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: Không

ÔNG VÕ VĂN SÁU - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Võ Văn Sáu

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/05/1963

CMND: 225003511, cấp ngày 30/06/1992, tại Công an Khánh Hòa

Nơi sinh: Đức Phổ, Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đức Phổ, Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: Phường Cam Lợi, TX Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Số ĐT cơ quan: (058) 3 855008

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: không

Quá trình công tác:

11.2001 – 04.2007: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy sản Cam Ranh

05.2007 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm giữ: 185.120 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: Không

ÔNG ĐỖ TRỊ - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: Đỗ Trị

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/04/1961

CMND: 220779205, cấp ngày 28/8/2002, tại Công an Khánh Hòa

Nơi sinh: Mộ Đức, Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đức Tân, Mộ Đức, Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: Phường Cam Lộ, TX Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Số ĐT cơ quan: (058) 3854315

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí thủy sản.

Quá trình công tác:

- 02/1990 – 05/1990: Cán bộ kỹ thuật vận hành Nhà máy đông lạnh thuộc Công ty thủy sản Cam Ranh
- 06/1990 – 08/1999: Phó Quản đốc Nhà máy đông lạnh, Công ty thủy sản Cam Ranh
- 09/1999 – 10/2001: Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty thủy sản Cam Ranh
- 11/2001 – 01/2005: Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần thủy sản Cam Ranh.
- 02/2005 – 04/2007: Thành viên Ban Kiểm soát, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần thủy sản Cam Ranh
- 05/2007 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty

Số cổ phần nắm giữ: 12.800 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: Không

ÔNG NGUYỄN NHÂN - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên: Nguyễn Nhân

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/05/1961

CMND: 225053479, cấp ngày 21/08/1995 tại Công an Khánh Hòa

Nơi sinh: Thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Triệu Trung, Triệu Phong, Quảng Trị.

Địa chỉ thường trú: Phường Cam Lộ, TX Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Số ĐT cơ quan: (058) 3855137

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế thủy sản.

Quá trình công tác:

- 02/1992 – 02/1993: Phó Quản đốc Xưởng-Công ty thủy sản Cam Ranh
- 03/1993 – 07/1997: Cán bộ Phòng Kinh doanh-Công ty thủy sản Cam Ranh
- 08/1997 – 10/2001: Trưởng Phòng nghiệp vụ Nhà máy đông lạnh – Công ty thủy sản Cam Ranh
- 11/2001 - 04/2007: Trưởng Ban Kiểm soát, Trưởng Phòng Nghiệp vụ Nhà máy đông lạnh - Công ty Cổ phần thủy sản Cam Ranh
- 05/2007 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát, Trưởng Phòng nghiệp vụ tổng hợp Xí nghiệp thực phẩm CAFICO thuộc Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát, Trợ lý Giám đốc Xí nghiệp thực phẩm CAFICO- Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ: 44.800 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: Không

BÀ LÊ THỊ MỸ - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: Lê Thị Mỹ

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 22/06/1962

CMND: 220253633, cấp ngày 16/11/2005 tại Công an Khánh Hòa

Nơi sinh: Đức Phổ, Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đức Phổ, Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: Phường Cam Thuận, TX Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Số ĐT cơ quan: (058) 3854315

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ chế biến thủy sản

Quá trình công tác:

- 09/2000 – 10/2001: Cán bộ Phòng Kỹ thuật Vật tư – Công ty thủy sản Cam Ranh
- 11/2001 – 12/2004: Thành viên Ban Kiểm soát, cán bộ Phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty cổ phần thủy sản Cam Ranh.
- 01/2005 – 04/2007: Cán bộ Phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Cổ phần thủy sản Cam Ranh
- 05/2007 - đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát, cán bộ Phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát, cán bộ Phòng Kỹ thuật Vật Tư

Số cổ phần nắm giữ: 68.960 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: Không

BÀ HUỲNH THỊ ĐIỂM - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: Huỳnh Thị Điểm

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 1957

CMND: 225052391, cấp ngày 07/07/1995 tại Công an Khánh Hòa

Nơi sinh: Huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: Phường Ba Ngòi, TX Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Số ĐT cơ quan: (058) 3854411

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: không

Quá trình công tác:

- 11.2001 – 04.2007: Thành viên Ban Kiểm soát-Công ty Cổ phần thủy sản Cam Ranh
- 05.2007 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát-Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát.

Số cổ phần nắm giữ: 108.320 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: Không

BÀ LÊ THỊ THU HÀ - Kế toán trưởng

Họ và tên: Lê Thị Thu Hà

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 26/08/1963

CMND: 220315931, cấp ngày 25/08/1999 tại Công an Khánh Hòa

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Suối Hiệp, Diên Khánh, Khánh Hòa.

Địa chỉ thường trú: Phường Cam Lộc, TX Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Số ĐT cơ quan: (058) 3854658

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính kế toán.

Quá trình công tác:

- 06/1986 –03/1993: Kế toán viên Công ty thủy sản Cam Ranh
- 04/1993 –10/2001: Phó phòng kế toán Công ty thủy sản Cam Ranh
- 11/2001 – 04/2007: Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần thủy sản Cam Ranh
- 05/2007 – 04/2008: Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam.
- 05/2007 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty.

Số cổ phần nắm giữ: (Không)

Hành vi vi phạm pháp luật: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: (Không)

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: (Không)

13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại thời điểm 31/12/2008 như sau:

				Đơn vị: đồng
STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	6.852.217.079	1.199.306.639	17,50
2	Máy móc, thiết bị	23.362.530.492	10.532.572.682	45,08
3	Phương tiện vận tải	3.760.938.279	2.516.869.295	66,92
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	281.967.154	33.282.697	11,80
5	Tài sản khác	-	-	-
Tổng cộng		34.257.653.004	14.282.031.313	41,69

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008 của CTCP Cafico Việt Nam

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Bảng 23 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức 2009 – 2011

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
	Giá trị/ tỷ lệ	% tăng giảm so với 2008	Giá trị/tỷ lệ	% tăng giảm so với 2009	Giá trị/ tỷ lệ	% tăng giảm so với 2010
Vốn điều lệ (triệu đồng)	16.291		16.291		16.291	
Doanh thu thuần (triệu đồng)	130.000	7,35	140.000	7,69	150.000	7,14
Lợi nhuận sau thuế	4.250	(41)	3.400	(20)	3.400	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,27	(2,65)	2,43	(0,84)	2,27	(0,16)
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ	26,09	(17,91)	20,87	(5,22)	20,87	-
Tỷ lệ cổ tức	20%		18%		18%	

Nguồn: CTCP Cafico Việt Nam

14.1 Nêu căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Hoạt động marketing:

- Công ty tiếp tục mở rộng thị trường thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, cử cán bộ tiếp cận thị trường thông qua các hội chợ thủy sản trong nước cũng như quốc tế;
- Thực hiện các chính sách kinh doanh của Công ty để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, quan tâm chăm sóc khách hàng đang có;
- Chú trọng xây dựng thương hiệu Cafico bằng nhiều giải pháp;

- Giữ vững khách hàng truyền thống của Công ty trong và ngoài nước kể cả khách hàng mua sản phẩm và khách hàng bán nguyên liệu cho Công ty.

Đầu tư mở rộng sản xuất:

Tiếp tục trang bị các phương tiện kỹ thuật hiện đại để đảm bảo cho nhu cầu sản xuất, đầu tư nâng công suất trữ đông để bảo đảm dự trữ nguồn nguyên liệu khắc phục cơ bản yếu tố mùa vụ của ngành thủy sản, tăng sản lượng sản xuất và tăng doanh thu, bảo đảm hiệu quả kinh doanh.

Vốn: Nguồn vốn đầu tư và kinh doanh từ

- Khấu hao tài sản;
- Quỹ đầu tư phát triển được trích;
- Vay ngân hàng;
- Phát hành thêm cổ phiếu (tăng vốn điều lệ).

Nhân lực:

- Công ty đang chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực để bổ sung vào hệ thống điều hành của Công ty, bảo đảm đáp ứng nhu cầu phát triển. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp cao của Công ty đã có kinh nghiệm trong nhiều năm lãnh đạo và điều hành sản xuất. Vì vậy, việc bổ sung đội ngũ cán bộ cần tập trung tuyển chọn cán bộ có trình độ kinh tế kỹ thuật để rèn luyện và chuẩn bị cho việc kế thừa.
- Lực lượng lao động hiện tại của Công ty trên 600 người có năng lực và tay nghề tốt, được tiếp tục bổ sung để đào tạo theo kịp tiến độ phát triển của Công ty

14.2 Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua

Tiếp tục đầu tư phát triển sản xuất theo hướng công nghiệp chế biến thủy sản, từ nay đến năm 2010 tập trung đầu tư kho trữ đông sức chứa 600 tấn để bổ sung năng lực dự trữ nguyên liệu phục vụ sản xuất. Tiếp tục khai thác các nguồn lực về tài chính để đầu tư mở rộng quy mô chế biến thủy sản, cụ thể là đầu tư các cơ sở chế biến trên các vùng nguyên liệu trong nước và từng bước đầu tư ra nước ngoài ở các khu vực có nguyên liệu thủy sản kinh doanh với hình thức đầu tư nước ngoài hoặc liên kết với các công ty ở chính quốc để tăng năng lực sản xuất và tăng hiệu quả. Ngoài phạm vi chế biến thủy sản, khi có điều kiện thuận lợi Công ty sẽ đầu tư vào lĩnh vực khác như dịch vụ du lịch, nhà hàng khách sạn và lắp đặt các công trình điện lạnh công nghiệp và dân dụng, thực hiện kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện được của tổ chức đăng ký giao dịch

Cam kết sửa đổi Điều 5, mục 5, chương IV Điều lệ Công ty và một số điều khác chưa phù hợp với Luật doanh nghiệp năm 2005 tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có.

IV. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Loại chứng khoán

Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số chứng khoán ĐKGD

Vốn điều lệ (31/12/2008): 16.291.200.000 đồng

Tổng số chứng khoán đăng ký: 1.629.120 cổ phần

Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 210.000 cổ phần

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam về việc hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại Chương VII, Điều 24, khoản 5a và Chương X, Điều 35, khoản 4e: thành viên HĐQT phải nắm giữ ít nhất 30.000 cổ phần và thành viên BKS phải nắm giữ ít nhất 20.000 trong suốt nhiệm kỳ của mình (5 năm), nếu số cổ phần sở hữu dưới mức trên thì thành viên đó sẽ bị mất tư cách thành viên.

4. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của cổ phiếu Cafico Việt Nam tại thời điểm 31/12/2007 và 31/12/2008 theo BCTC kiểm toán 2008.

Giá trị sổ sách = (Nguồn vốn chủ sở hữu – Quỹ khen thưởng phúc lợi) / (Số cổ phiếu đang lưu hành – Số cổ phiếu quỹ (nếu có))

Bảng 24 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2007 và 31/12/2008

	Đơn vị: đồng	
	31/12/2007	31/12/2008
Nguồn vốn chủ sở hữu	19.398.810.029	21.435.950.527
Quỹ khen thưởng phúc lợi	119.664.124	359.394.965
Số cổ phiếu đang lưu hành	1.629.120	1.629.120
Giá trị sổ sách	11.843	12.937

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008 của CTCP Cafico Việt Nam

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Quyết định số 36/2003/QĐ-TTg ngày 11/3/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp Việt Nam, và thông tư 73/2003/ TT-BTC ngày 31/07/2003 về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp Việt Nam, tỷ lệ nắm giữ đối với nước ngoài tối đa bằng 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Trong trường hợp được chấp thuận đăng ký giao dịch hoặc niêm yết, các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong một tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch. Cụ thể tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 90/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg.

6. Các loại thuế có liên quan

6.1 Thuế giá trị gia tăng

Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: tỷ lệ doanh thu xuất khẩu của Công ty chiếm tỷ trọng 90% trở lên nên thuế đầu ra rất nhỏ, vì vậy Công ty thường xuyên được Nhà nước hoàn thuế GTGT.

6.2 Thuế TNDN

- Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4675/GCN-UB ngày 28/12/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa, Công ty Cổ phần thủy sản Cam Ranh (nay là Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam) được miễn, giảm thuế do ưu đãi đầu tư mới chuyển từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần (thực hiện cổ phần hóa theo Nghị định số 44/CP). Thời gian miễn giảm: miễn thuế trong 03 năm từ 2002 đến 2004; giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho 8 năm tiếp theo kể từ năm 2005. Theo điều 35 của Nghị định 164/2003/NĐ-CP, Công ty đủ điều kiện hưởng thuế suất ưu đãi 15% trong thời gian 12 năm kể từ năm 2004.
- Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3288/GCN-UB ngày 25/12/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa, và Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư bổ sung số 3620/UBND ngày 03/07/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa, Công ty cổ phần thủy sản Cam Ranh (nay là Công ty cổ phần Cafico Việt Nam) được miễn, giảm thuế do ưu đãi đầu tư đối với các công trình phát triển mở rộng Công ty.
 - Đầu tư nâng cấp mở rộng nhà máy đông lạnh (nay là Xí nghiệp thực phẩm CAFICO). Thời gian miễn giảm: miễn thuế 3 năm kể từ năm 2004 và giảm 50% thuế TNDN phải nộp 5 năm tiếp theo kể từ năm 2007 cho phần thu nhập tăng thêm do dự án này mang lại. Thuế suất 15% trong thời gian 12 năm kể từ năm 2004.
 - Đầu tư chiều sâu nhà máy đông lạnh (nay là Xí nghiệp thực phẩm CAFICO) lắp đặt băng chuyền IQF. Thời gian miễn giảm: miễn thuế 3 năm kể từ năm 2006 và giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho 5 năm tiếp theo kể từ năm 2009 cho phần thu nhập tăng thêm do dự án này mang lại. Thuế suất 15% trong thời gian 12 năm kể từ năm 2006.
- Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3850/UB ngày 23/11/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa, Công ty Cổ phần thủy sản Cam Ranh (nay là Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam) được miễn, giảm thuế do ưu đãi đầu tư đối với các công trình

phát triển mở rộng Công ty. Thời gian miễn giảm : miễn thuế 3 năm kể từ năm 2006 và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo kể từ năm 2009 cho phần thu nhập tăng thêm do dự án này mang lại. Thuế suất 15% trong thời gian 12 năm kể từ năm 2006.

- Căn cứ Thông báo số 09/TB-CAFICO.VN ngày 12/02/2008 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cafico Việt Nam về việc “xác định thời gian hưởng ưu đãi miễn thuế, giảm thuế đối với dự án đầu tư hầm đông 3 Tấn/mẻ thuộc Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam”. Thời gian miễn, giảm thuế: được miễn 1 năm 2008 và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do dự án này mang lại và hưởng thuế suất 15% trong thời gian 12 năm (kể từ năm 2008) .
- Bên cạnh đó, theo Điều 39 Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 quy định giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước và giảm thêm 25% số thuế phải nộp cho phần thu nhập có được do xuất khẩu trong năm tài chính đối với nhà đầu tư nói tại khoản 1,2 hoặc 3 Điều này thực hiện dự án đầu tư ở tại địa bàn quy định tại danh mục B phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này .

V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tổ chức đăng ký giao dịch

Tên: Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 09 đường Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: (058) 30854 312

Fax: (058) 3 854 347

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Lầu 3, 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (848) 38216789

Fax: (848) 38213399

Website: www.avsc.com.vn

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: Lầu 2, số 63 Hàm Long, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 04 39366999

Fax: 04 38262665

3. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC AISC

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (848) 39305163

Fax: (848) 39304281

VI. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**
- 2. Phụ lục II: Sơ yếu lý lịch HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**
- 3. Phụ lục III: Cam kết hỗ trợ, Lộ trình tư vấn và văn bản đính kèm**
- 4. Phụ lục IV: Các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008**
- 5. Phụ lục V: Ủy quyền Công bố thông tin**
- 6. Phụ lục VI: Điều lệ Công ty**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2009.

**Đại diện tổ chức phát hành
CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM
CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN QUANG TUYẾN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN NHÂN

LÊ THỊ THU HÀ

**Đại diện tổ chức tư vấn
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN HOÀNG LONG